



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP VICEM Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng

Ngày 30/09/2025	3,990 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.5%	3.6%	-0.5%

DT thuần Q3/25
50.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.2 -16.8%
YoY: ▲ 2.50 5.1%

LN thuần Q3/25
-0.19
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.50 -162%
YoY: ▲ 1.93 90.9%

LN sau thuế Q3/25
0.22
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.21 -49.1%
YoY: ▲ 1.81 114%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
0.4%
YoY: +/- ▼ 0.3%

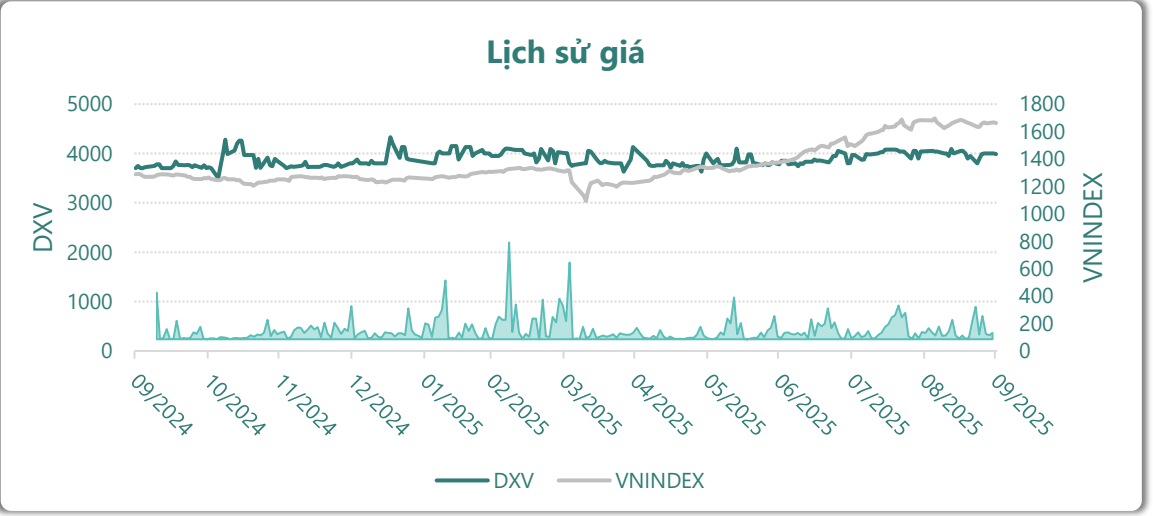
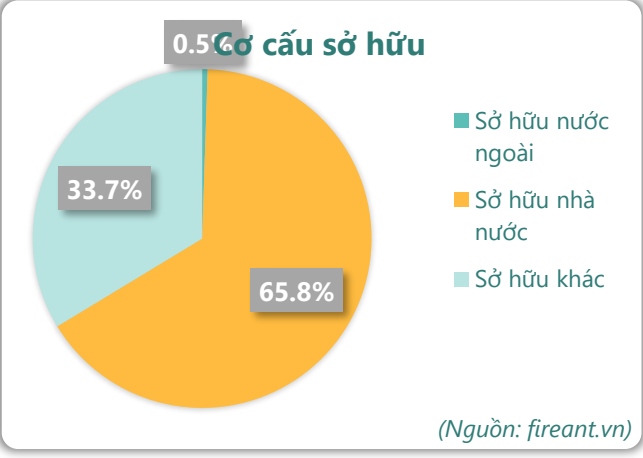
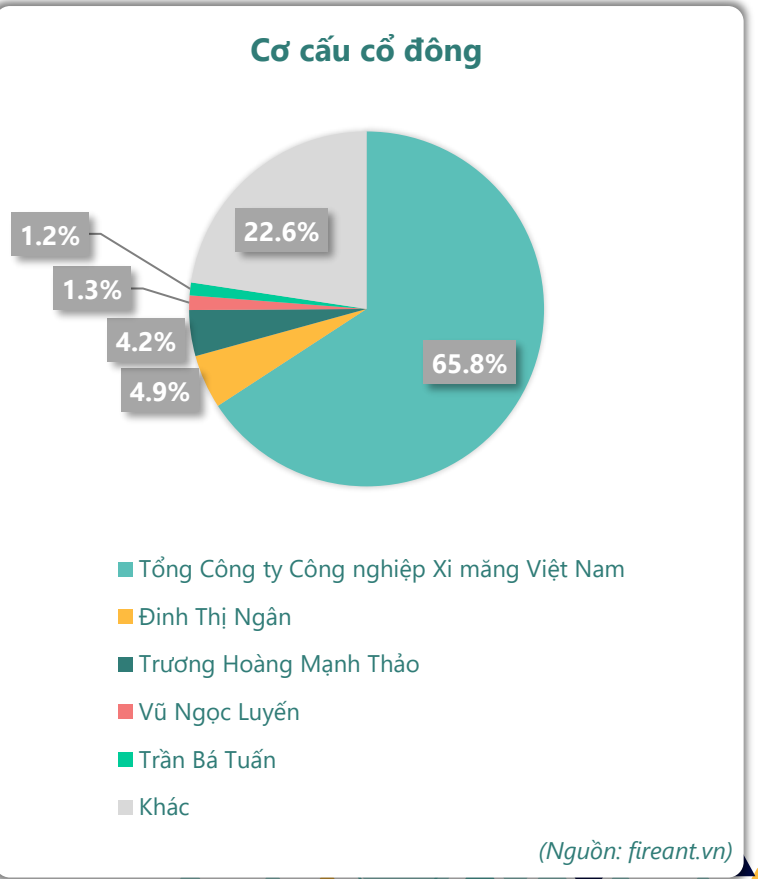
ROE (TTM) Q3/25
-1.3%
YoY: +/- ▲ 1.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,500 - 4,330
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	40
Số lượng CPLH (CP)	9,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,230
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.32
EPS	-124
P/E	-32.1

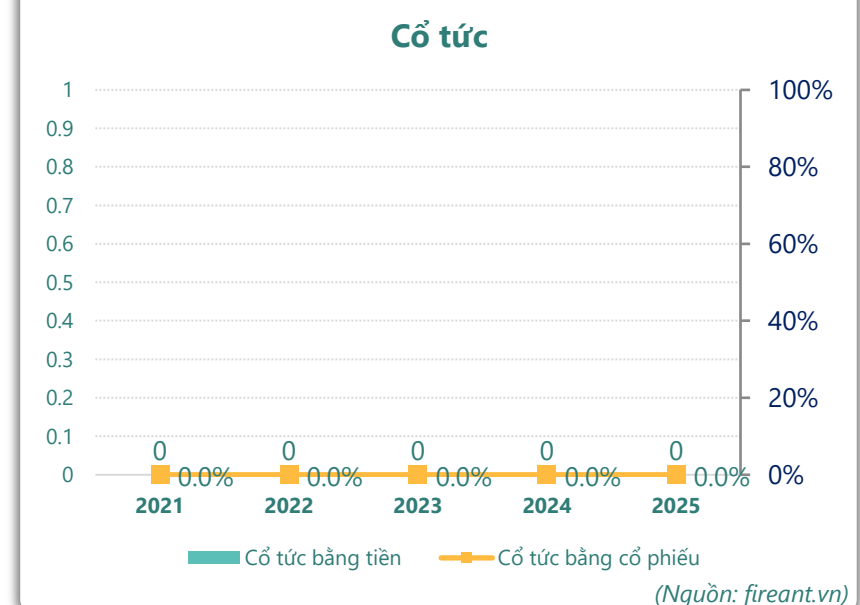
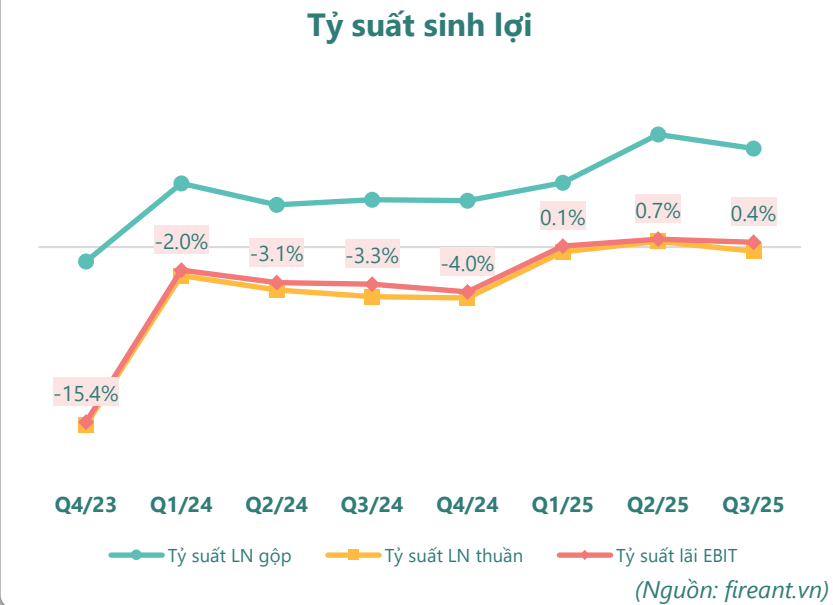
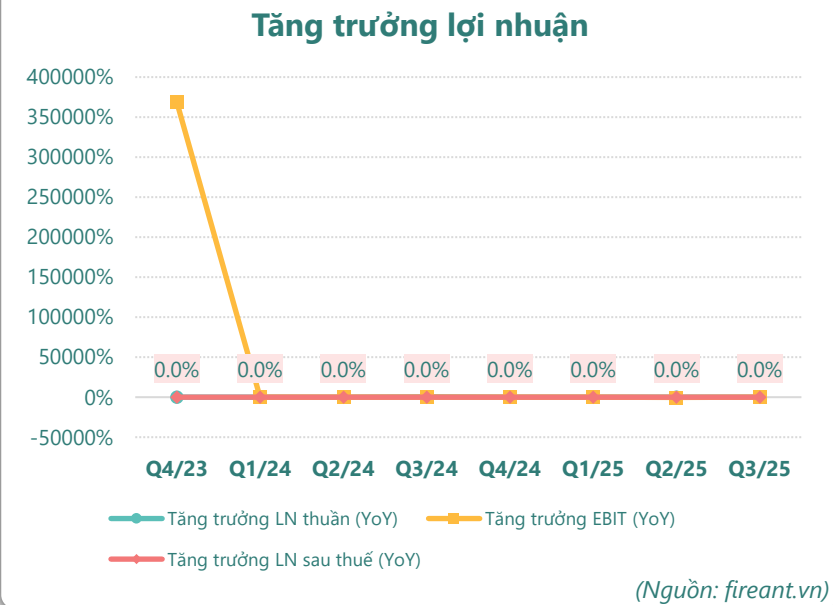
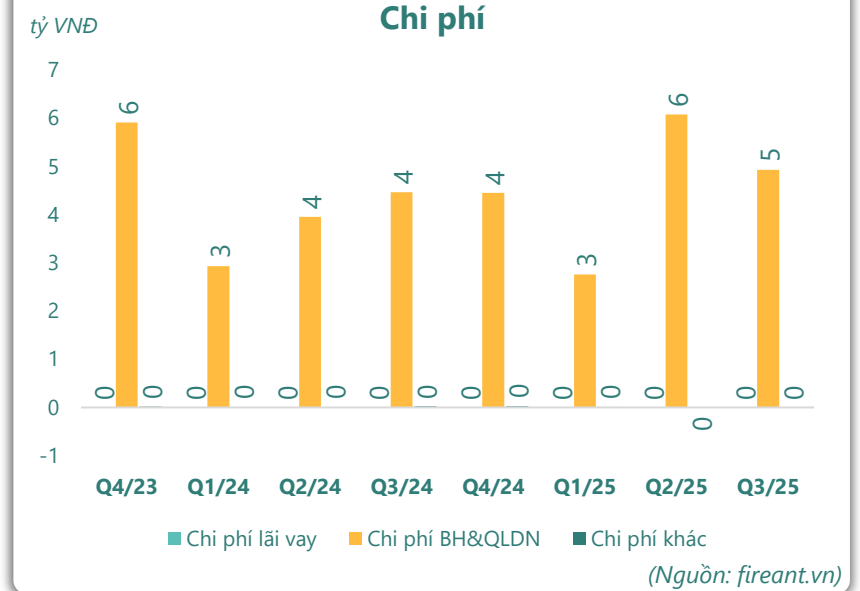
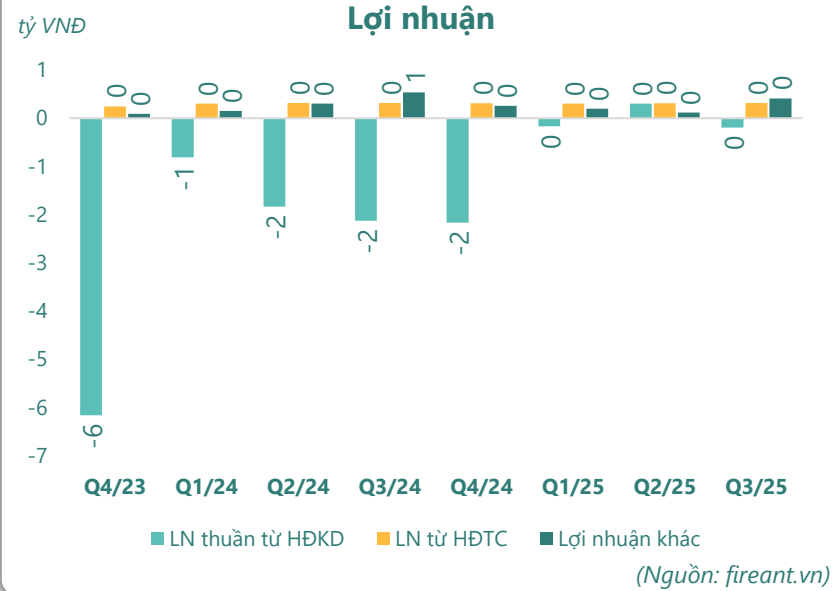
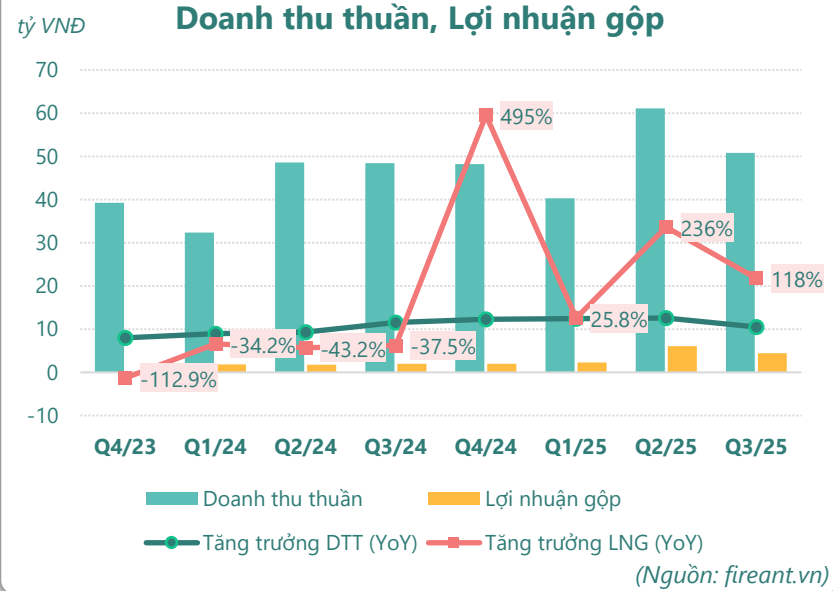
DT thuần 9T 2025
152
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.0 17.6%

LN thuần 9T 2025
-0.05
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.72 98.9%

LN sau thuế 9T 2025
0.68
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.45 118%



KẾT QUẢ KINH DOANH

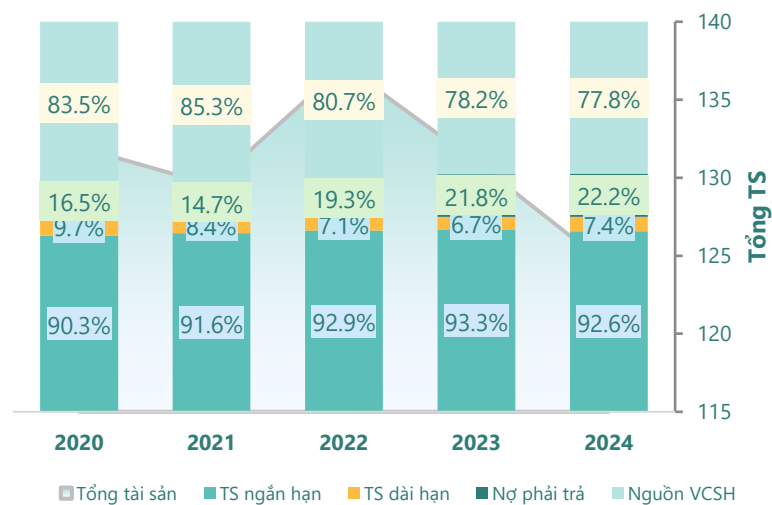




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

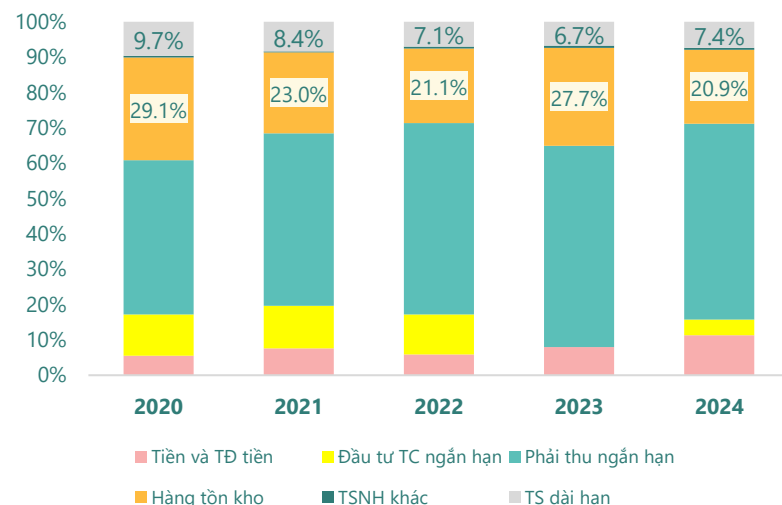
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

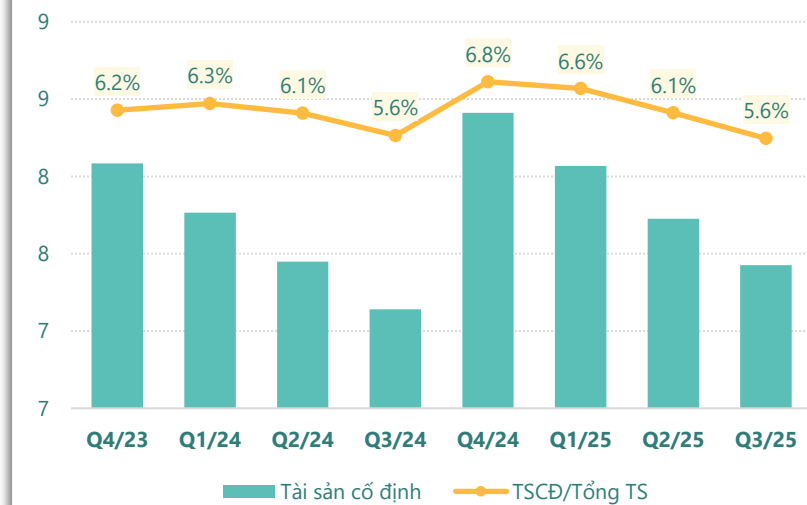
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

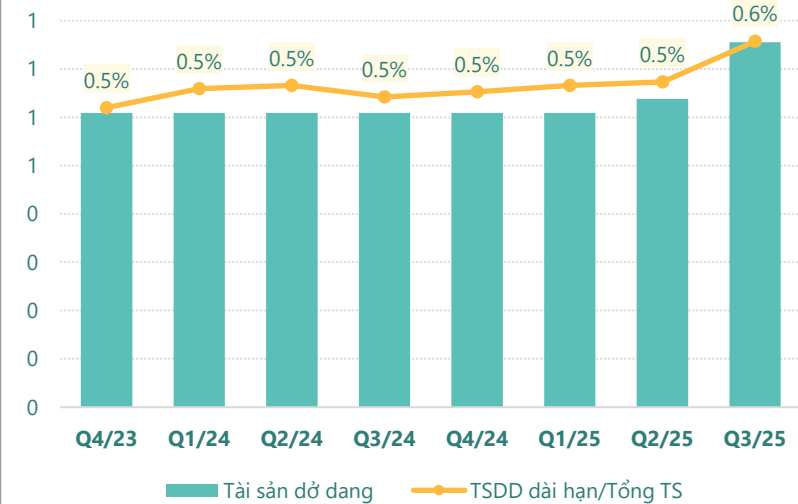
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

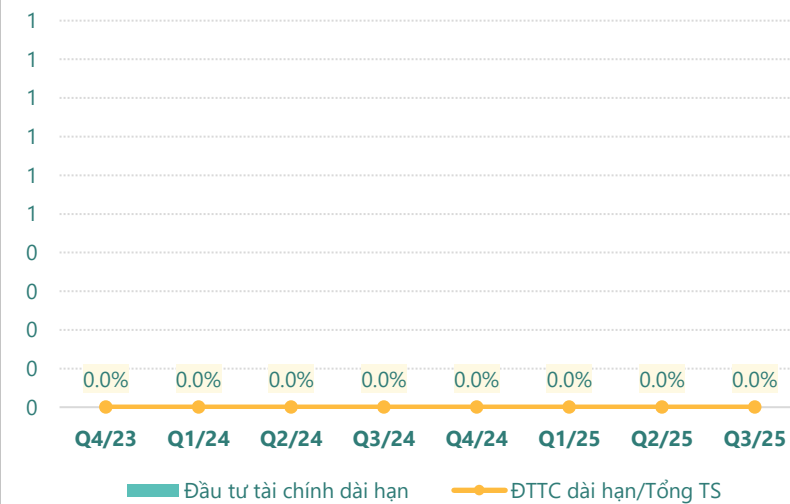
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

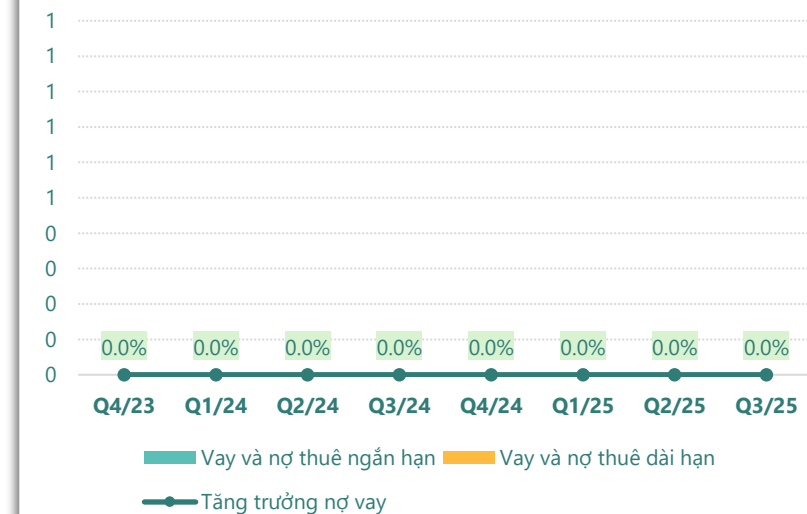
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

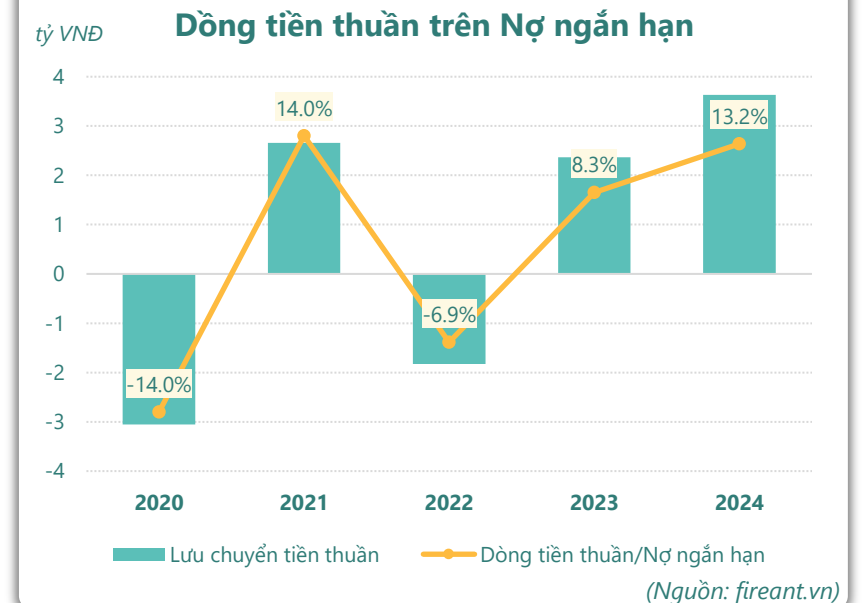
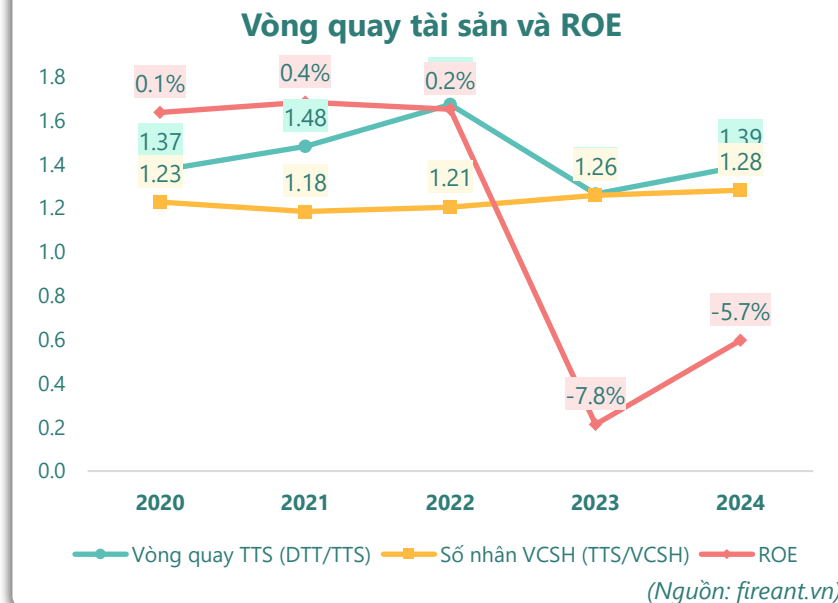
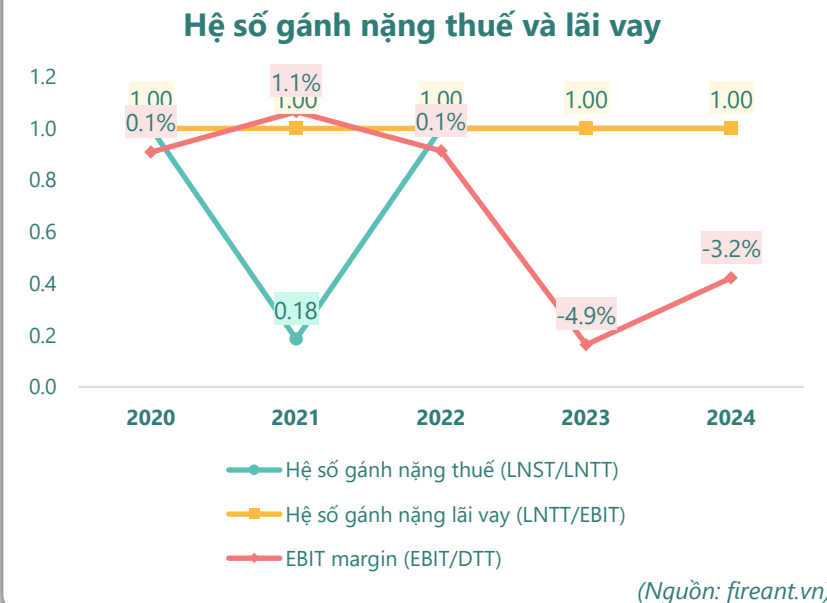
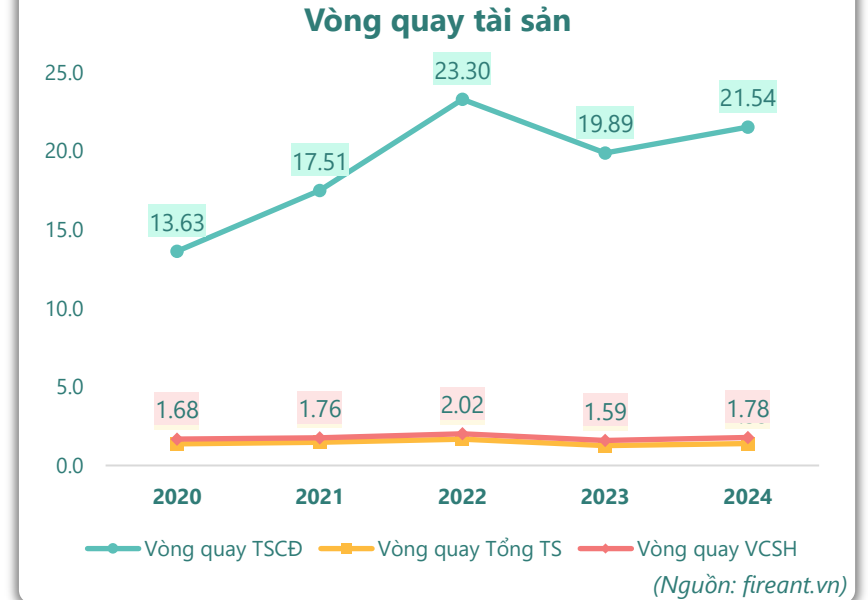
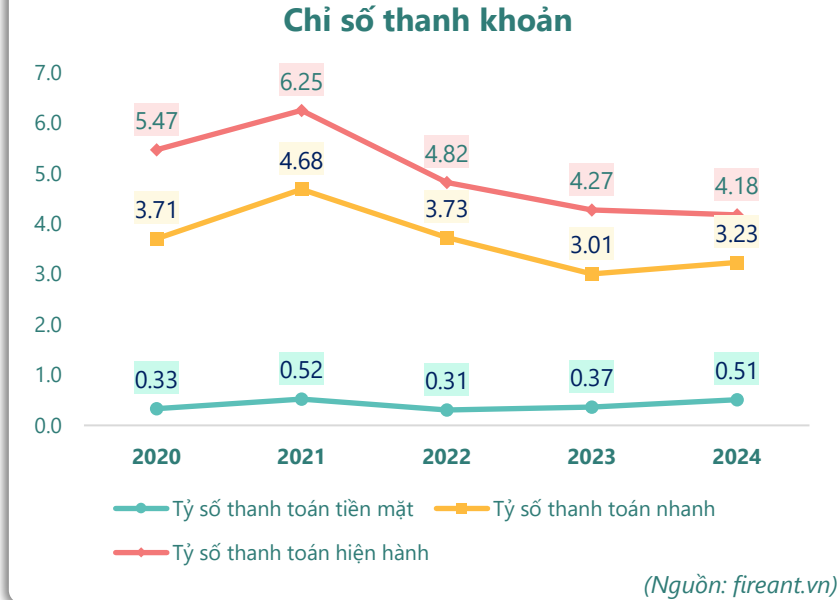
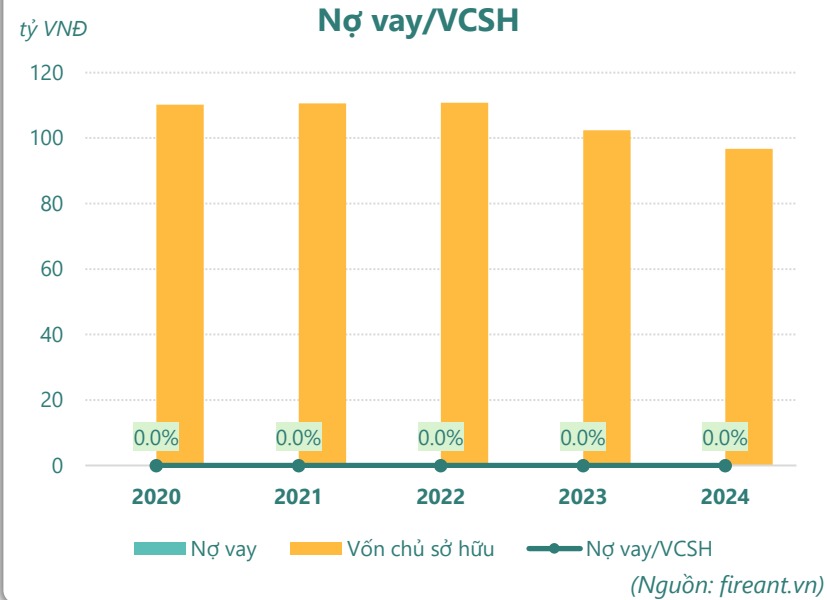
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	50.9	48.4	5.1%	152	129	17.6%
Giá vốn hàng bán	46.4	46.4	0.1%	139	124	12.7%
Lợi nhuận gộp	4.42	2.03	118%	12.8	5.65	126%
Doanh thu HĐTC	0.32	0.32	-1.0%	0.93	0.93	-0.4%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.46	2.24	9.7%	6.54	5.53	18.3%
Chi phí QLDN	2.47	2.23	10.9%	7.23	5.83	24.0%
LN thuần từ HĐKD	-0.19	-2.12	90.9%	-0.05	-4.77	98.9%
Lợi nhuận khác	0.41	0.54	-23.8%	0.73	0.99	-26.6%
LN trước thuế	0.22	-1.59	114%	0.68	-3.77	118%
Lợi nhuận sau thuế	0.22	-1.59	114%	0.68	-3.77	118%
LNST của CĐ cty mẹ	0.22	-1.59	114%	0.68	-3.77	118%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.26	3.84	2.45	-0.80	-3.37	0.68
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.15	0.97	-1.60	0.48	-0.46	0.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	9.83	8.41	13.2	14.1	13.7	9.91
Lưu chuyển tiền thuần	-1.42	4.81	0.85	-0.33	-3.83	0.74
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.41	13.2	14.1	13.7	9.91	10.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	133	124	7.0%
Tài sản ngắn hạn	125	115	8.3%
Tiền và tương đương tiền	10.6	14.1	-24.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.50	5.50	18.2%
Phải thu ngắn hạn	80.8	68.9	17.3%
Hàng tồn kho	24.8	26.0	-4.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.91	0.65	193%
Tài sản dài hạn	8.30	9.23	-10.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	7.43	8.41	-11.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.76	0.61	24.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.12	0.21	-41.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	35.5	27.6	29.0%
Nợ ngắn hạn	35.5	27.6	29.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	25.3	21.7	16.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	97.4	96.8	0.7%
Vốn chủ sở hữu	97.4	96.8	0.7%
Vốn điều lệ	99.0	99.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

